TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp việc nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

"Đề nghị xét xử vắng mặt"

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Thùy T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

"Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Nguyễn Thành Đ và bị đơn Huỳnh Thị Thùy T thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/3/2020. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc trên 01 năm, sau này không hạnh phúc phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không chung sống khoảng 11 tháng nay. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết anh xin ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên P, sinh ngày 09/02/2020 hiện đang sống với chị T. Anh Đ thống nhất để chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho chị T biết về việc anh Đ khởi kiện đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án hòa giải nhằm giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ nhưng phía chị T không trình bày ý kiến về việc anh Đ khởi kiện và không đến Tòa hòa giải với anh Đ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa anh Đ, chị T, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thành Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Huỳnh Thị Thùy T, cư trú tại ấp V, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn Nguyễn Thành Đ vắng mặt nhưng anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn Huỳnh Thị Thùy T vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Giữa nguyên đơn Nguyễn Thành Đ và bị đơn Huỳnh Thị Thùy T thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/3/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc trên 01 năm, sau này không hạnh phúc phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không chung sống khoảng 11 tháng nay. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết chị xin ly hôn với chị T. Chị T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc ly hôn với anh Đ và vắng mặt không lý do. Điều này, chứng tỏ rằng tình cảm giữa anh Đ và chị T mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ ly hôn chị T là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên P, sinh ngày 09/02/2020 hiện đang sống với chị T. Anh Đ thống nhất để chị Trang nuôi con là phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu gì nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Đ chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành Đ, xử cho anh Nguyễn Thành Đ ly hôn chị Huỳnh Thị Thùy T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Huỳnh Thiên P, sinh ngày 09/02/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Thành Đ nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003807 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh Đ nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
-UBND xã Hựu Thành
(Giấy CNKH số 16 ngày 25/3/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.